

Số: 21 /KH-UBND

Bình Định, ngày 10 tháng 5 năm 2017

KẾ HOẠCH
Thực hiện tinh giản biên chế năm 2017

Thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 06/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện chủ trương tinh giản biên chế, Kế hoạch số 34/KH-UBND ngày 18/8/2015 của UBND tỉnh triển khai thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ và Đề án tinh giản biên chế công chức, viên chức giai đoạn 2015 - 2021 của tỉnh Bình Định, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện tinh giản biên chế năm 2017 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích: Triển khai, thực hiện việc tinh giản biên chế năm 2017 trong các cơ quan hành chính nhà nước và các đơn vị sự nghiệp đảm bảo tỷ lệ tinh giản theo Đề án tinh giản biên chế của tỉnh giai đoạn 2015-2021 gắn với việc sắp xếp, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo Đề án vị trí việc làm của từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Yêu cầu: Thực hiện tinh giản biên chế phải đảm bảo nguyên tắc khách quan, ổn định tình hình, đúng đối tượng, thực hiện đầy đủ chế độ chính sách theo quy định của Nhà nước, không làm ảnh hưởng đến hoạt động của cơ quan, đơn vị, địa phương, đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

II. NỘI DUNG

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các văn bản của Trung ương, của tỉnh và Đề án tinh giản biên chế của cơ quan, đơn vị, địa phương

Tăng cường thực hiện công tác tuyên truyền đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, nội dung chủ yếu tập trung vào các văn bản của Trung ương, của tỉnh như: Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ, Chỉ thị số 02/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC của Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính, Kế hoạch số 34/KH-UBND của UBND tỉnh và Đề án tinh giản biên chế của cơ quan, đơn vị, địa phương đã được UBND tỉnh phê duyệt.

2. Thực hiện rà soát chức năng, nhiệm vụ, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

- Rà soát chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc theo nguyên tắc một việc chỉ giao một cơ quan, tổ chức chủ trì và chịu trách nhiệm; chuyển một số nhiệm vụ mà cơ quan nhà nước không cần thiết phải trực tiếp thực hiện hoặc thực hiện không có hiệu quả sang tổ chức ngoài nhà nước đảm nhận;

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan, tổ chức và các tổ chức cấu thành, thu gọn đầu mối, quản lý đa ngành, đa lĩnh vực, xoá bỏ tổ chức trung gian, không thành lập tổ chức cấp phòng và tương đương khi chưa đủ điều kiện, tiêu chí thành lập, đảm bảo tinh gọn bộ máy, hiệu lực, hiệu quả, cải cách hành chính;

- Thực hiện rà soát, sắp xếp lại mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố theo hướng: Đối với đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác có thu từng bước chuyển đổi sang mô hình doanh nghiệp hoặc cổ phần hoá; các đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo thực hiện sắp xếp lại mạng lưới trường, lớp, bảo đảm bố trí đủ số lượng học sinh trên lớp theo các cấp, bậc học theo quy định; đối với đơn vị sự nghiệp y tế thực hiện sắp xếp theo quy hoạch mạng lưới ngành y tế, đẩy mạnh giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm và thực hiện xã hội hoá trên một số lĩnh vực phù hợp với nhu cầu của nhân dân;

- Cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên cơ sở Đề án vị trí việc làm, ban hành quy định mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm đảm bảo tiêu chuẩn trình độ chuyên môn và các năng lực, kỹ năng cần thiết của ngạch công chức, viên chức, chức danh nghề nghiệp phù hợp với cơ cấu tổ chức bộ máy từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

3. Chỉ tiêu tinh giản biên chế năm 2017

- Tinh giản biên chế công chức hành chính năm 2017 là 38 người (trong đó: Cấp tỉnh giảm 20 người, cấp huyện giảm 18 người);

- Tinh giản biên chế viên chức sự nghiệp (số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp) năm 2017 là 359 người (trong đó: Cấp tỉnh giảm 202 người, cấp huyện giảm 157 người).

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nội vụ

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn thực hiện chính sách tinh giản biên chế và đôn đốc, theo dõi, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện kế hoạch tinh giản biên chế năm 2017, việc thực hiện chính sách tinh giản biên chế ở



các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai việc phân loại, đánh giá và sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập trình UBND tỉnh phê duyệt; hướng dẫn, kiểm tra việc sắp xếp và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo đúng đề án vị trí việc làm được phê duyệt của từng cơ quan, đơn vị, địa phương;

c) Kịp thời báo cáo UBND tỉnh các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, cơ cấu lại đội ngũ và thực hiện tinh giản biên chế.

2. Sở Tài chính

a) Hướng dẫn, cấp phát, quản lý và quyết toán nguồn kinh phí tinh giản biên chế theo đúng quy định;

b) Phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan liên quan xem xét, đề xuất UBND tỉnh danh mục các hoạt động có nguồn thu trong đơn vị sự nghiệp công lập để làm cơ sở phân loại và chuyển đổi đơn vị sự nghiệp sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm và xã hội hoá nhằm thay thế nguồn trả lương từ ngân sách nhà nước bằng trả lương từ nguồn thu sự nghiệp.

3. Các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố

a) Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm phối hợp với cấp ủy, tổ chức công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thuộc cấp mình quản lý và triển khai thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo đề án tinh giản biên chế được phê duyệt;

b) Rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy, sắp xếp lại mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc; thực hiện việc bố trí, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, theo ngạch, chức danh nghề nghiệp và trình độ đào tạo phù hợp yêu cầu nhiệm vụ và các quy định hiện hành của pháp luật;

c) Thực hiện nghiêm các quy định của UBND tỉnh về tăng cường quản lý công tác tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức; về chấn chỉnh tình trạng hợp đồng chuyên môn nghiệp vụ tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp; thực hiện tinh giản biên chế đối với những cán bộ, công chức, viên chức không hoàn thành nhiệm vụ, không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, không đạt tiêu chuẩn quy định và những người dôi dư do sắp xếp lại tổ chức;

d) Tổng hợp và lập danh sách, hồ sơ tinh giản biên chế; danh sách cán bộ, công chức, viên chức nghỉ hưu đúng tuổi hoặc thôi việc ngay báo cáo UBND tỉnh



(qua Sở Nội vụ) đảm bảo thời gian xét duyệt theo quy định của Bộ, ngành Trung ương.

Yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét, điều chỉnh cho phù hợp. /: *YH NB*

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành;
- Các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, K12. *bu*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



nh
Hò Quốc Dũng

Phụ lục
SỐ LƯỢNG BIÊN CHẾ THỰC HIỆN TỈNH GIẢM NĂM 2017
 (Kèm theo Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 10/5/2017 của UBND tỉnh)



STT	Tên đơn vị	Biên chế công chức			Biên chế viên chức			Chi chú
		Năm 2016	Năm 2017	Số lượng giảm	Năm 2016	Năm 2017	Số lượng giảm	
	TỔNG (I+II+III)	2.482	2.444	-38	30.120	29.881	-359	
I	CÁC CƠ QUAN THUỘC TỈNH	1.449	1.429	-20	11.788	11.595	-202	
1	Văn phòng HĐND tỉnh	34	34					
2	Văn phòng UBND tỉnh	52	51	-1	16	16		
3	Ban Dân tộc	18	18					
4	Sở Nội vụ	74	73	-1	13	13		
5	Sở Ngoại vụ	21	21					
6	Sở Tài chính	67	67					
7	Sở Tư pháp	34	33	-1	52	52		
8	Sở Kế hoạch và Đầu tư	45	44	-1	14	14		
9	Sở Công Thương	129	127	-2	18	18		
10	Sở Xây dựng	66	66		8	8		
11	Sở Giao thông vận tải	62	61	-1				
12	Sở Khoa học và Công nghệ	43	42	-1	46	54		
13	Sở Nông nghiệp và PTNT	374	369	-5	410	402	-8	
14	Sở Tài nguyên và Môi trường	72	71	-1	197	197		
15	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	52	51	-1	245	242	-3	
16	Sở Y tế	75	74	-1	6.217	6.164	-53	
17	Sở Văn hoá và Thể thao	36	36		311	309	-2	
18	Sở Du lịch	20	20		11	11		
19	Sở Thông tin và Truyền thông	28	27	-1	11	11		
20	Sở Giáo dục và Đào tạo	51	50	-1	3.555	3.549	-6	
21	Thanh tra tỉnh	44	43	-1				
22	Ban Quản lý Khu kinh tế	52	51	-1	57	34	-23	-1: Ban BTGPMT; -22: do chuyển biên chế sự nghiệp Ban QLDA ĐTXD KKT sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm
23	Đài Phát thanh và Truyền hình				140	139	-1	
24	Văn phòng Ban An toàn giao thông				5	5		
25	Văn phòng Điều phối về biến đổi khí hậu tỉnh				5	5		

STT	Tên đơn vị	Biên chế công chức			Biên chế viên chức			Chi chú
		Năm 2016	Năm 2017	Số lượng giảm	Năm 2016	Năm 2017	Số lượng giảm	
26	Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh				20	20		
27	Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh				25	24	-1	
28	Liên minh các Hợp tác xã				18	17	-1	
29	Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh				10	10		
30	Hội Nhà báo				5	5		
31	Hội Chữ thập đỏ				15	14	-1	
32	Trường Cao đẳng Bình Định				120	117	-3	
33	Trường Cao đẳng Nghề Quy Nhơn				100		-100	Chuyển biên chế sự nghiệp sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
34	Trường Cao đẳng Y tế				94	94		
35	Quỹ Bảo vệ môi trường				5	5		
36	Liên hiệp các Hội KH và KT tỉnh				8	9		
37	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh				1	1		
38	Ban Quản lý Quỹ Khám chữa bệnh người nghèo tỉnh				1	1		
39	Các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp thuộc các Đoàn thể				35	35		
II	UBND CẤP HUYỆN	1.025	1.007	-18	18.265	18.108	-157	
1	Thành phố Quy Nhơn	149	147	-2	2.568	2.563	-5	
2	Thị xã An Nhơn	92	90	-2	1.982	1.961	-21	
3	Huyện Tuy Phước	92	90	-2	2.076	2.057	-19	
4	Huyện Phù Cát	88	86	-2	2.426	2.393	-33	
5	Huyện Phù Mỹ	89	87	-2	2.182	2.162	-20	
6	Huyện Hoài Nhơn	95	94	-1	2.303	2.290	-13	
7	Huyện Tây Sơn	85	84	-1	1.683	1.665	-18	
8	Huyện Hoài Ân	88	86	-2	1.196	1.185	-11	
9	Huyện Vân Canh	82	81	-1	546	541	-5	
10	Huyện Vĩnh Thạnh	82	81	-1	647	640	-7	
11	Huyện An Lão	83	81	-2	656	651	-5	
III	BIÊN CHẾ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH THU HÚT NHÂN LỰC	8	8		67	178		